TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST Ngày: 29/5/2025 *V/v Ly hôn, tranh chấp con khi ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bá Đường
2. Bà Đinh Thị Út

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lê Thị Dần - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 29/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị – Sinh năm 1990

Trú tại: Bản D, xã TD, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T – Sinh năm 1985

Trú tại: Bản D, xã TD, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Lý Thị trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Đặng Văn T chung sống như vợ chồng năm 2007 không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục 02 người về chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị luôn bất đồng quan điểm dẫn đến không hợp nhau về làm ăn kinh tế, trong nuôi dạy con chung dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau đến tháng 02 năm 2020 thì anh chị ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung: Cháu Đặng Văn T – Sinh ngày 05/01/2009; Cháu Đặng Quốc K – Sinh ngày 02/9/2011.

Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Văn T, đề nghị Tòa án giao cháu Đặng Quốc K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với anh Đặng Văn T có nội dung anh T đồng ý với chị về thời điểm chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung, anh T không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu chia tài sản. Nay chị khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T nhất trí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Đặng Văn T và giải quyết nuôi con chung; anh T cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử theo khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lý Thị và anh Đặng Văn T sống chung như vợ chồng, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn mà không đến UBND cấp xã tại nơi cư trú mà không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình quy định "Việc đăng ký kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này (Luật HNGĐ) và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên không công nhận quan hệ vợ chông". Vì vậy việc chung sống như vợ chồng giữa chị và anh T không được pháp luật công nhận. Cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị và anh T là vợ chồng.

[4] Về con chung:

Theo Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình quy định về Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì con được giải quyết theo quy định của Luật này (Luật HNGĐ) về quyền, nghĩa

vụ của cha mẹ và con. Vì vậy cần áp dụng theo Luật hôn nhân gia đình để giải quyết về con chung của chị và anh T.

Trong nội dung bản lấy ý kiến của cháu Đặng Văn T cháu T có nguyện vọng được sống cùng chị ; Cháu Đặng Quốc K có nguyện vọng sống cùng anh T sau khi anh chị ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án chị đã cung cấp được xác nhận mức thu nhập của chị Hương và anh T mỗi người là 2.500.000 đồng/01 tháng. Chị và anh T có thu nhập để nuôi con. Vì vậy cần giao cháu Đặng Văn T – Sinh ngày 05/01/2009 cho Chị Lý Thị trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Đặng Quốc K – Sinh ngày 02/9/2011 cho anh Đặng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận chị Lý Thị và anh Đặng Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cháu Đặng Văn T – Sinh ngày 05/01/2009 cho Chị Lý Thị trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Đặng Quốc K – Sinh ngày 02/9/2011 cho anh Đặng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Anh T và chị có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

Chị Lý Thị phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 12 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Quang Đại

THÀNH VIÊN HĐXX	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Bá Đường – Đinh Thị Út	**Vũ Quang Đại**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Văn Lang, Hạ Hòa, PT;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Quang Đại